**MẪU SỐ 02**

**MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU**

**(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**

**áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23 /2015/TT-BKHĐT*

*ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TỪ NGỮ VIẾT TẮT | | |
| Luật đấu thầu |  | Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/ 2013 |
| Nghị định 63/CP |  | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |
| KHLCNT |  | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu |
| HSMT |  | Hồ sơ mời thầu |
| HSDT |  | Hồ sơ dự thầu |
| HSĐXKT  HSĐXTC |  | Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật  Hồ sơ đề xuất về tài chính |
| Chủ đầu tư |  | Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên |
| Dự án |  | Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên |

**PHẦN I:**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

***(tên gói thầu)***

***(tên dự án)***

***(tên Bên mời thầu)***

|  |  |
| --- | --- |
| **[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ HSDT]**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: / | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *\_\_\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm\_\_\_\_* |

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*

thuộc dự án \_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên Bên mời thầu]*

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

a) *Phần này nêu khái quát về dự án, gói thầu và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện gói thầu:*

* Tên Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
* Tên dự án và tóm tắt về dự án;
* Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT;
* Một số mốc thời gian chính trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Liệt kê danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu và danh sách nhà thầu nộp HSDT.

### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được \_\_\_\_ *[Ghi tên Bên mời thầu/tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp]*thành lập theo Quyết định số \_\_\_\_\_ *[Ghi số và ngày ban hành văn bản]* để thực hiện đánh giá HSDT gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *\_\_\_\_ [Ghi tên dự án].*

*Trường hợp* *Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau:* Căn cứ hợp đồng số *\_\_\_\_[Ghi số hiệu hợp đồng]* ngày \_\_\_\_ *[Ghi thời gian ký hợp đồng]* giữa \_\_\_\_ *[Ghi tên Bên mời thầu]* và \_\_\_\_ *[Ghi tên tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp]* về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSDT gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *\_\_\_\_ [Ghi tên dự án].*

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại* ***Bảng số 1****.*

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia** | **Phân công công việc** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

*Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong báo cáo này.*

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSĐXKT

### 1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSĐXKT do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Nội dung không thống nhất** | | **Ghi chú** |
| **Bản gốc** | **Bản chụp** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

### 2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXKT *(lập theo Mẫu số 1)*; đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT *(lập theo Mẫu số 2)*, kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh về các trường hợp HSĐXKT không hợp lệ *(kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSĐXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSĐXKT).*

### 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (trường hợp không áp dụng sơ tuyển)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu (*lập theo Mẫu số 3),* kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

**Bảng số 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT).*

c) Các nội dung làm rõ HSĐXKT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT).*

*Ghi chú:*

*Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT.*

*Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển và khi nộp HSDT có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển thì cần đánh giá lại năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.*

### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSĐXKT (*lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B),* kết quả đánh giá về kỹ thuậtđược tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây:

*Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao đến thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc đạt, không đạt trong trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt.*

**Bảng số 5**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả đánh giá** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá HSĐXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

1. *Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*
2. *Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*
3. *Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.*

**IV. Ý KIẾN BẢO LƯU**

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung**  **đánh giá** | **Ý kiến**  **bảo lưu** | **Lý do** | **Ký tên** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*

**Mẫu số 1**

**KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT**

HSĐXKT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả (1)** | | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không có** |
| 1 | Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSĐXKT |  |  |  |
| 2 | Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT |  |  |  |
| 3 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)(2) |  |  |  |
| 4 | Giấy ủy quyền (nếu có)(3) |  |  |  |
| 5 | Bảo đảm dự thầu |  |  |  |
| 6 | Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu |  |  |  |
| 7 | Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu |  |  |  |
| 8 | Đề xuất về kỹ thuật |  |  |  |
| 9 | Các thành phần khác thuộc HSĐXKT |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có".*

*(2) Trường hợp là nhà thầu liên danh phải kiểm tra nội dung này. Trường hợp nhà thầu độc lập, không áp dụng điều kiện này.*

*(3) Trường hợp có ủy quyền thì kiểm tra nội dung này. Trường hợp không có ủy quyền thì bỏ nội dung này.*

**Mẫu số 2**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT**

HSĐXKT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá(2)** | | **Nhận xét của chuyên gia** | **Ghi chú** |
| **Đáp ứng** | **Không đáp ứng** |
| 1 | Bản gốc HSĐXKT |  |  |  |  |
| 2 | Đơn dự thầu(3) |  |  |  |  |
| 3 | Hiệu lực của HSĐXKT |  |  |  |  |
| 4 | Bảo đảm dự thầu |  |  |  |  |
| 5 | Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh). |  |  |  |  |
| 6 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) |  |  |  |  |
| 7 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN**(4) | |  | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định 63/CP.*

*(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.*

**Mẫu số 3**

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

HSDT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm(1)** | | | **Các yêu cầu cần tuân thủ(2)** | | | | **Kết quả đánh giá(3)** | **Nhận xét của chuyên gia 4)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mô tả** | **Yêu cầu** | **Nhà thầu độc lập** | **Nhà thầu liên danh** | | |
| **Tổng các thành viên liên danh** | **Từng thành viên liên danh** | **Tối thiểu một thành viên liên danh** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kết luận(5)** | | | | | | |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1), (2) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.*

*(3) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi "Đạt", nếu được đánh giá là “không đạt” thì ghi “Không đạt” và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(4) Kê khai các nội dung trong HSDT của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT và lý do "Không đạt".*

*(5) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đạt”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đạt”.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).*

**Mẫu số 4A**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng phương pháp chấm điểm)**

HSDT của nhà thầu\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Mức điểm quy định trong HSMT(2)** | | **ĐÁNH GIÁ(3)** | | **Ghi chú** |
| **Điểm tối đa** | **Điểm tối thiểu** | **Điểm** | **Nhận xét của chuyên gia** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN (4)** | | | |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1), (2) Theo quy định trong HSMT.*

*(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

*Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp)*.

**Mẫu số 4B**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | | | **Nhận xét của chuyên gia** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Chấp nhận được** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN (3)** | |  | | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Theo quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(3) HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

*Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).*

**PHẦN II:**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

***(tên gói thầu)***

***(tên dự án)***

***(tên Bên mời thầu)***

|  |  |
| --- | --- |
| **[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ HSDT]**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: / | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *\_\_\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm\_\_\_\_* |

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*

thuộc dự án \_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên Bên mời thầu]*

**I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Căn cứ quyết định số:\_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_\_ về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của \_\_\_\_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư],* danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

*[Liệt kê danh sách nhà thầu theo quyết định phê duyệt].*

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSĐXTC

### 1. Mở HSĐXTC

*Phần này ghi rõ các thông tin dưới đây:*

* Thời gian và địa điểm mở HSĐXTC;
* Danh sách các nhà thầu được mở HSĐXTC;
* Các vấn đề trong quá trình mở HSĐXTC cần xử lý tình huống.

### 2. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp của HSĐXTC do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Nội dung không thống nhất** | | **Ghi chú** |
| **Bản gốc** | **Bản chụp** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

### 3. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSĐXTC

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXTC (*lập theo Mẫu số 1)*; đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXTC (*lập theo Mẫu số 2),* kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXTC được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt/không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh về các trường hợp HSĐXTC không hợp lệ *(kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXTC).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSĐXTC (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐXTC* *của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXTC của nhà thầu liên quan đến tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSĐXTC.*

### 4. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về giá của từng HSĐXTC *(lập theo Mẫu số 10)*, kết quả đánh giá về giáđược tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây*:*

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Nhà thầu A** | **Nhà thầu B** | **…** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) |  |  |  |
| 2 | Giá trị sửa lỗi |  |  |  |
| 3 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ % sai lệch thiếu |  |  |  |
| 5 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
| 7 | Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có) |  |  |  |
| 8 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất[[1]](#footnote-1)** |  |  |  |
| 9 | ΔƯĐ (nếu có) |  |  |  |
| 10 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá[[2]](#footnote-2)** |  |  |  |
| 11 | Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng |  |  |  |
| 12 | ΔƯĐ (nếu có) |  |  |  |
| 13 | Giá đánh giá |  |  |  |
|  | **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá[[3]](#footnote-3)** |  |  |  |
| 14 | Điểm giá |  |  |  |
| 15 | Điểm kỹ thuật |  |  |  |
| 16 | Điểm tổng hợp |  |  |  |
| 17 | Điểm ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
| 18 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi |  |  |  |

*Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá HSĐXTC (nếu có).*

*Ghi chú:*

*Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

## III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSĐXTC

Trên cơ sở đánh giá HSĐXTC của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSĐXTC được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 4**

| **Stt** | **Nội dung** | **Nhà thầu** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **...** |
| 1 | Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSĐXTC |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất[[4]](#footnote-4)** |  |  |  |
| 2 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính giá trị ưu đãi (nếu có)[[5]](#footnote-5) |  |  |  |
| 3 | Xếp hạng các HSDT\* |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá[[6]](#footnote-6)** |  |  |  |
| 4 | Giá đánh giá[[7]](#footnote-7) |  |  |  |
| 5 | Xếp hạng các HSDT\* |  |  |  |
|  | **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá[[8]](#footnote-8)** |  |  |  |
| 6 | Điểm tổng hợp[[9]](#footnote-9) |  |  |  |
| 7 | Xếp hạng các HSDT\* |  |  |  |

*Ghi chú:*

*- \* Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại mục số 3, 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:*

*(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.*

*(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.*

## - Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần thì việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); tổng điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

## IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ[[10]](#footnote-10)

*Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.*

## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá HSĐXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

*1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;*

*2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*

*3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.*

**VI. Ý KIẾN BẢO LƯU**

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung**  **đánh giá** | **Ý kiến**  **bảo lưu** | **Lý do** | **Ký tên** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*

# 

**Mẫu số 1**

**KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXTC**

HSĐXTC của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả (1)** | | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không có** |
| 1 | Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSĐXTC |  |  |  |
| 2 | Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC |  |  |  |
| 3 | Bảng giá tổng hợp |  |  |  |
| 4 | Các thành phần khác thuộc HSĐXTC |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.*

**Mẫu số 2**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXTC**

HSĐXTC của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | | **Nhận xét của chuyên gia** | **Ghi chú** |
| **Đáp ứng** | **Không đáp ứng** |
|  | Có bản gốc HSĐXTC |  |  |  |  |
|  | Đơn dự thầu(3) |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN(4)** | |  | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”(trường hợp đáp ứng sau khi bổ sung, làm rõ thì nêu rõ tại cột Ghi chú tương ứng), nếu được đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định 63/CP.*

*(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.*

**Mẫu số 3**

**SỬa lỖi(1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung cần sửa lỗi** | **Giá trị lỗi số học** | **Giá trị lỗi khác** | **Ghi chú** |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| n. |  |  |  |  |
| Tổng cộng | | (i) | (ii) |  |
| **KẾt luẬn** | |  | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú*:

*(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.*

**Mẫu số 4**

**HiỆu chỈnh sai lỆch(1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung cần hiệu chỉnh sai lệch** | **Giá trị sai lệch** | | **Ghi chú** |
| **Sai lệch thiếu** | **Sai lệch thừa** |
| 1. |  | i1 | ii1 |  |
| 2. |  | i2 | ii2 |  |
| ..... |  | … | … |  |
| n. |  | in | iin |  |
| Tổng cộng | | i | ii |  |
| Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) | | (iii) | |  |
| Tỷ lệ sai lệch thiếu (%) | | = (|i1|+|i2|+…+|in|)\*100%/ (iii) | |  |
| **KẾt luẬn(2)** | |  | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.*

*(2) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi có sai lệch thiếu với tổng giá trị tuyệt đối không quá 10% giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)).*

*Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.*

**Mẫu số 5**

**ChuyỂn đỔi giá DỰ THẦU SAU SỬA LỖI VÀ**

**HIỆU CHỈNH SAI LỆCH TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ)**

**sang mỘt đỒng tiỀn chung(1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)** | **Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT** | **Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.*

*Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.*

**Mẫu số 6**

**Đưa các chi phí vỀ mỘt mẶt bẰng đỂ**

**xác đỊnh giá đánh giá(1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **TT** | **Nội dung cần đưa về một mặt bằng** | **Cách thức đưa về một mặt bằng** | **Chi phí** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | *Chi phí vận hành, bảo dưỡng* |  |  |
|  | *Chi phí lãi vay (nếu có)* |  |  |
|  | *Tiến độ* |  |  |
|  | *Chất lượng* |  |  |
|  | *Xuất xứ (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)* |  |  |
|  | *Các yếu tố khác (nếu có)* |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Phần này cần liệt kê các yếu tố đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá theo quy định trong HSMT và các chi phí tương ứng được quy đổi về cùng một mặt bằng.*

**Mẫu số 7**

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU**

**(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

*Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định chính xác hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định ΔƯĐ theo Mẫu số 8A hoặc Mẫu số 8B như sau:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hàng hóa** | **Nhà thầu** | **Ghi chú** |
|
|  | (1) | (2) | (3) |
|  | *Hàng hóa 1* | *Nhà thầu A, Nhà thầu B* |  |
|  | *Hàng hóa 2* | *Nhà thầu A* |  |
|  | *Hàng hóa 3* | *Nhà thầu B, Nhà thầu C* |  |
|  | … |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong các hàng hóa theo yêu cầu của HSMT.*

*(2) Ghi tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.*

**Mẫu số 8A**

**XÁC ĐỊNH ΔƯĐ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA**

**KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng

phương pháp giá thấp nhất và giá đánh đánh giá)

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **Stt** | **Hàng hóa** | **Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)** | **ΔƯĐ** |
| --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(2) Hàng hóa không thuộc* *đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*(3) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);*

*(4) Cách xác định ΔƯĐ đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi (bao gồm cả đấu thầu trong nước và quốc tế) = 7,5% x (3).*

**Mẫu số 8B**

**XÁC ĐỊNH ĐIỂM ƯU ĐÃI**

(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng

phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **Stt** | **Hàng hóa** | **Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)** |
| --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Tổng cộng** | | (4) |
| **Giá gói thầu** | | (5) |
| **Điểm tổng hợp** | | (6) |
| **Điểm ưu đãi** | | (7) |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*Cách xác định điểm ưu đãi (bao gồm cả đấu thầu trong nước và quốc tế) như sau:*

*(2) Hàng hóa thuộc* *đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*(3) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);*

*(5) Giá gói thầu trong KHLCNT hoặc dự toán được duyệt;*

*(6) Điểm tổng hợp tại Mẫu số 9;*

*(7)= 7,5% × [(4)/(5)]×(6).*

**Mẫu số 9**

**XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP**

(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**A. Xác định điểm giá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Gnhà thầu** | **Gthấp nhất** | **Điểm giá (điểm)** |
| (1) | (2) | (3) |
|  |  |  |

*Ghi chú:*

*(1) Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển về một đồng tiền chung (nếu có) của HSĐXTC của nhà thầu.*

*(2) Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển về một đồng tiền chung (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.*

*(3) Điểm giá = (2) x (100 hoặc 1000)/ (1)*

**B. Xác định điểm tổng hợp**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề xuất về kỹ thuật** | | **Đề xuất về tài chính** | | **Điểm tổng hợp** | **Điểm ưu đãi (nếu có)** | **Điểm tổng hợp sau ưu đãi** |
| **Điểm kỹ thuật** | **K%** | **Điểm giá** | **G%** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét;*

*(2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong HSMT;*

*(3) Lấy ở bảng xác định điểm giá;*

*(4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong HSMT;*

*(5) = (1) x (2) + (3) x (4);*

*(6) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa: điểm ưu đãi ở Mẫu 8B; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế: được tính bằng 7,5% x (5) đối với nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*(7) = (5) + (6).*

**Mẫu số 10**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) |  |
| 2 | Giá trị sửa lỗi |  |
| 3 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch |  |
| 4 | Tỷ lệ sai lệch thiếu |  |
| 5 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 6 | Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 7 | Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có) |  |
| 8 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất(1)** |  |
| 9 | ΔƯĐ (nếu có)(2) |  |
| 10 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá(3)** |  |
| 11 | Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng |  |
| 12 | ΔƯĐ (nếu có)(4) |  |
| 13 | Giá đánh giá |  |
|  | **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá(5)** |  |
| 14 | Điểm giá |  |
| 15 | Điểm kỹ thuật |  |
| 16 | Điểm tổng hợp |  |
| 17 | Điểm ưu đãi (nếu có) |  |
| 18 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.*

*(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.*

*(2), (4) ΔƯĐ: là giá trị cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi, được xác định như sau:*

*- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa lấy theo kết quả ở Mẫu số 8A;*

*- Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế: ΔƯĐ được tính bằng 7,5% x Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) (Stt 8 Mẫu này).*

*(5) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.*

## PHẦN III:

## DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

| **Stt** | **Tài liệu** | **Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu** |  |
|  | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
|  | Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt |  |
|  | Văn bản thành lập tổ chuyên gia |  |
|  | Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có) |  |
|  | Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp) |  |
| **II** | **Tổ chức lựa chọn nhà thầu** |  |
|  | Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu |  |
|  | Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có) |  |
|  | Văn bản làm rõ HSMT (nếu có) |  |
|  | Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có) |  |
|  | Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) |  |
|  | Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có) |  |
|  | Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT |  |
|  | Biên bản đóng thầu (nếu có) |  |
|  | Biên bản mở HSĐXKT |  |
| **III** | **Đánh giá HSĐXKT** |  |
|  | HSĐXKT của các nhà thầu tham dự (bản chụp) |  |
|  | Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSĐXKT của các nhà thầu |  |
|  | Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXKT |  |
|  | Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT |  |
|  | Bản đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu |  |
|  | Bản đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng HSĐXKT |  |
|  | Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSĐXKT |  |
|  | Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật |  |
|  | Văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật |  |
|  | Văn bản thông báo danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật |  |
|  | Biên bản mở HSĐXTC |  |
| **IV** | **Đánh giá HSĐXTC** |  |
|  | HSĐXTC của các nhà thầu tham dự (bản chụp) |  |
|  | Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSĐXTC của các nhà thầu |  |
|  | Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXTC |  |
|  | Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXTC |  |
|  | Bản sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch |  |
|  | Bản chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung |  |
|  | Bảng đưa các chi phí về một mặt bằng của từng HSDT *(đối với phương pháp giá đánh giá)* |  |
|  | Bảng xác định hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi (nếu có) |  |
|  | Bảng xác định ΔƯĐ (nếu có) |  |
|  | Bảng xác định điểm tổng hợp *(đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)* |  |
|  | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá về tài chính |  |
|  | Văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu |  |
|  | Biên bản thương thảo hợp đồng |  |
|  | Các tài liệu khác có liên quan |  |

1. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Kết chuyển từ stt 10 Bảng số 3.* [↑](#footnote-ref-5)
6. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-6)
7. *Kết chuyển từ stt 13 Bảng số 3.* [↑](#footnote-ref-7)
8. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Kết chuyển từ stt 18 Bảng số 3.* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-10)